

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 642/2026/HC-PT
Ngày: 29 - 5 - 2026
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 69/2026/TLPT-HC ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 663/2025/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 460/2026/QĐ-PT ngày 06 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Minh H1, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số D đường H, khu phố G, phường L, (thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1: Công ty L1.

Địa chỉ: Số E (tầng F) N, phường S (phường Đ, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng ủy quyền ngày 27/11/2024, số công chứng 004164, quyền số 11/2024 TP/CC-SCC/HĐGD.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty L1: Ông Nguyễn Khắc S – Chức vụ: Giám đốc (có mặt)

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H. Địa chỉ: H L, phường S (phường B, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H:

- Ông Hoàng Văn H2, Phó Trưởng ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt);

- Bà Trần Thị Bích T, Trưởng phòng Nghiệp vụ 3, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt);

- Ông Phạm Duy K, Chuyên viên phòng Tiếp dân, Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T (có mặt);

2.2 Ủy ban nhân dân Thành phố T. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T. Địa chỉ: A T, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người bị kiện Ủy ban nhân dân Thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố T: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L.

Địa chỉ: Số C N, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L:

- Ông Nguyễn Ngọc N – Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường L (vắng mặt);

- Ông Nguyễn Đức L – Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường L (có mặt);

3. Người kháng cáo: người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1 do ông Nguyễn Khắc S là người đại diện hợp pháp trình bày:

Phần diện tích 45,8m² đất bị thu hồi có nguồn gốc do ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M khai hoang sử dụng từ năm 1976.

Năm 1997, Ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M đã tặng cho và bàn giao toàn bộ phần diện tích này cho ông Nguyễn Minh H1 quản lý và sử dụng liên tục, ổn định từ đó đến nay. Đất không có tranh chấp. Ông Nguyễn Minh H1 có đủ

điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất mà ông Nguyễn Minh H1 đang khai thác và sử dụng.

Ngày 20/2/2017, Ủy ban nhân dân Quận I ban hành Thông báo thu hồi đất số 58/TB-UBND để thực hiện dự án xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thu hồi của ông Nguyễn Minh H1 45,8m² đất ở đô thị thuộc một phần thửa 42, tờ bản đồ số 64 (theo tài liệu năm 2003), tại phường L.

Ngày 12/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10797/QĐ-UBND về thu hồi 45,8m² đất của ông Nguyễn Minh H1 để thực hiện dự án xây dựng đường H (đoạn từ BXMD mới đến nút giao với XLHN), thành phố T.

Ngày 12/12/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ BXMD mới đến nút giao với XLHN) ban hành Phương án số 45/PABT-HĐBT-LB và Quyết định số 10942/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ BXMD mới đến N1 giao với XLHN) tại các phường T, L, L, thành phố T. Theo đó, bồi thường cho ông Nguyễn Minh H1 với diện tích giải tỏa 45,8m² như sau:

(i) Bồi thường, hỗ trợ về đất: 349.087.600 đồng;

(ii) Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng: Phần diện tích trong ranh giải tỏa: 26.892.214 đồng; Phần diện tích bị ảnh hưởng ngoài ranh giải tỏa: 86.909.433 đồng, Hỗ trợ chi phí sửa chữa, hoàn thiện bị phá dỡ một phần nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại: 113.801.647 đồng;

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 462.889.247 đồng.

- Không đủ điều kiện tái định cư.

Ngày 10/2/2023, ông Nguyễn Minh H3 gửi Đơn khiếu nại Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Ngày 15/5/2023, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần đầu). Theo đó, giữ nguyên Quyết định số 10942/QĐ-UBND và bác đơn khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 do không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Ngày 16/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần hai). Theo đó, công nhận và giữ nguyên Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T, yêu cầu ông Nguyễn Minh H1 thực hiện Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Căn nhà và vật kiến trúc được ông Nguyễn Minh H1 xây dựng vào đầu năm 2004. Do đó, Ủy ban nhân dân phường L căn cứ theo Tài liệu năm 2003 thể hiện

vị trí giải tỏa là đất trồng, không có công trình, vật kiến trúc để xác định thời điểm xây nhà, vật kiến trúc (bao gồm phần nhà diện tích 28,67m² và phần sân diện tích 16,94m²) là sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006 là không đúng.

Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư số 45/PABT-HĐBT-LB ngày 12/12/2022 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa lộ H) đồng ý bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Minh H1 phần diện tích đất 45,8m² bị thu hồi theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông Nguyễn Minh H1.

Vì các lý do nêu trên, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1, thành phố T (lần hai);

- Hủy Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1, thành phố T (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn Minh H1 trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa Lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường theo giá đất ở và giá trị căn nhà theo giá thị trường cho ông Nguyễn Minh H1 đối với phần đất bị thu hồi.

Theo nội dung Văn bản ý kiến số 193/UBND-NCPC ngày 10/7/2025 Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H trình bày ý kiến như sau:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí (Hợp đồng số 415/HĐ-ĐĐBĐ/2017 ngày 29 tháng 5 năm 2017) do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập ngày 07 tháng 6 năm 2017, được Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra nội nghiệp ngày 20 tháng 6 năm 2017, thể hiện phần diện tích bị thu hồi là 45,8m² thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64, Tài liệu năm 2003; không được công nhận; hiện trạng bên trên tường tole, sân.

Theo Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 45/UBND ngày 27 tháng 2 năm 2018, Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 46/GXN-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân phường L thì nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất của ông Nguyễn Minh H1 bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao Xa lộ H) cụ thể như sau:

- Theo Tài liệu 02/CT-UB: thuộc một phần thửa số 226, tờ bản đồ số 13, do ông Nguyễn Minh S1 (cha ông H1) đứng tên kê khai.

- Theo tài liệu đo đạc năm 2003: thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64, do ông Nguyễn Minh S1 đứng tên kê khai.

- Có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất do ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M khai hoang sử dụng từ năm 1976, sau đó để lại cho con là ông Nguyễn Minh H1 sử dụng, xây dựng nhà ở cho đến nay. Phần diện tích 45,8m² này thuộc lộ giới đường, chưa được cấp Giấy chứng nhận, liền kề phần nhà, đất thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 64 đã được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD995310 ngày 16 tháng 5 năm 2011 cho ông Nguyễn Minh H1 với diện tích 200m² đất ở đô thị.

- Phần vật kiến trúc nằm trong ranh dự án (nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m²) xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 và trước ngày 01 tháng 7 năm 2006.

Từ cơ sở nêu trên và căn cứ khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai; Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 08 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích 45,8m² theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là đúng quy định.

* Đối với nội dung khiếu nại yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần nhà, vật kiến trúc trong ranh giải tỏa bằng 100% đơn giá:

Xét phần nhà, vật kiến trúc (nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m²) trong ranh thu hồi, xây dựng sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 và trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ đối với phần nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m² của ông Nguyễn Minh H1 là phù hợp tiết b, tiết c, điểm 5.2, khoản 19, Mục I, Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường Dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ bến xe M mới đến nút giao Xa lộ H).

Việc ông Nguyễn Minh H1 khiếu nại yêu cầu được bồi thường, hỗ trợ phần nhà, vật kiến trúc trong ranh giải tỏa theo 100% đơn giá là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những cơ sở nêu trên, ngày 16 tháng 5 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 1687/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1; theo đó, công nhận và giữ nguyên Quyết định 5154/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T.

Theo nội dung Văn bản số 430/UBND-KTHTĐT ngày 17/9/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L trình bày như sau:

Theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Trung tâm Tư vấn và Thẩm định Trắc địa bản đồ lập ngày 07 tháng 6 năm 2017, đã được Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố T) kiểm tra nội nghiệp ngày 20 tháng 6 năm 2017 thể hiện diện tích đất thu hồi 45,8m² không được công nhận thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64 (theo Tài liệu năm 2003), với hiện trạng bên trên: tường tole, sân.

Căn cứ Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 45/UBND ngày 27 tháng 02 năm 2018 và Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 46/GXN-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân phường L về xác nhận đối với nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất của ông Nguyễn Minh H1 tại địa chỉ giải toả số D H, khu phố G, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, với nội dung:

“- Tổng diện tích giải toả: 45,8m²

- Theo tài liệu 02/CT-UB thuộc một phần thửa số 226, tờ bản đồ số 13 do ông Nguyễn Minh S1 đứng tên kê khai.

Theo tài liệu đo đạc năm 2003 thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64 do ông Nguyễn Minh S1 đứng tên kê khai.

Hiện trạng giải toả: Một phần.

- Vị trí nhà, đất: vị trí A, đường H.

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất:

+ Phần đất diện tích 45,8m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M khai hoang sử dụng từ năm 1976, sau đó để lại cho con là Nguyễn Minh H1 sử dụng, xây dựng nhà ở cho đến nay (phần diện tích này thuộc lộ giới đường, chưa được cấp giấy chứng nhận, liền kề phần nhà đất được ban N2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở số BĐ 995310 ngày 16/5/2011 cho ông Nguyễn Minh H1 diện tích 200m² đất ở đô thị).

- Thời điểm xây dựng nhà: sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006.

+ Phần vật kiến trúc nằm trong ranh dự án: 28,67m² nhà (nền ceramic, tường, cột gạch, trần nhựa, mái tôn), 16,94m² (7,5 m² + 9,44m²) sân lát đan xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006 trên đất thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64, theo tài liệu năm 2003.

+ Phần vật kiến trúc phá vỡ kết cấu: 23,03m² nhà (nền ceramic, tường, cột gạch, trần nhựa, mái tôn) xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006 trên đất ở đô thị thuộc một phần thửa số 519, tờ bản đồ số 64, theo tài liệu năm 2003, đất được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 995310 cho ông Nguyễn Minh H1 ngày 16/5/2011.

Về tranh chấp khiếu nại đất đai: đến ngày 12/7/2017 không có đơn tranh chấp hoặc khiếu nại về đất đai tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I. - Về tái định cư: ông Nguyễn Minh H1 bị giải toả một phần nhà, đất nên không đủ điều kiện tái định cư.

+ Phần đất diện tích 45,8m² có nguồn gốc do ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M khai hoang sử dụng từ năm 1976, sau đó để lại cho con là ông Nguyễn Minh H1 sử dụng, thuộc lộ giới đường, không được công nhận theo Giấy chứng nhận QSDĐ-QSHNO số BĐ995310 ngày 16/5/2011 do Ủy ban nhân dân Quận I cấp; ông Nguyễn Minh H1 đã được cấp diện tích 200m² đất ở tại đô thị. Do đó, theo điểm 19.7 khoản 19 Mục I Phần B và khoản 4 Mục I Phần B của Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường dự án, nên áp đơn giá đất trồng cây lâu năm đối với diện tích 45,8m² là đúng quy định.

+ Căn cứ tài liệu bản đồ năm 2003 tại vị trí giải tỏa thể hiện là đất trống, không thể hiện công trình, vật kiến trúc. Ủy ban nhân dân phường L xác nhận thời điểm xây dựng nhà, vật kiến trúc (bao gồm phần nhà diện tích 28,67m² và phần sân diện tích 16,94m²) là sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006. Do đó, theo tiết b và tiết c điểm 5.2 khoản 5 Mục II Phần B của Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường dự án, nên tính hỗ trợ 30% x 80% giá trị xây dựng đối với phần nhà diện tích 28,67m² và phần sân 16,94m² là đúng quy định.

Ngày 15/5/2023, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 5154/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần đầu), nội dung giữ nguyên Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T.

Từ kết quả xác minh nêu trên, đối chiếu với quy định tại Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa Lộ H), tại các phường T, L, L, thành phố T, quy định:

Tại điểm 19.7 khoản 19 Mục I Phần B của Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H) đã được Ủy ban nhân dân thành phố T phê duyệt tại Quyết định số 10693/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H) tại các phường L, T và L, thành phố T, quy định:

“19. Hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất (Thực hiện theo Điều 11 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND):

19.7. Xử lý đối với phần diện tích đất trong lộ giới, hành lang bảo vệ đê điều, sông rạch và các công trình công cộng:

a) Đối với phần diện tích nêu trên, nếu trước đây khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không được nhà nước công nhận nhưng người sử dụng đất

vấn sử dụng phần diện tích đất này, thì khi Nhà nước thu hồi sẽ được tính bồi thường, hỗ trợ như sau:

Nếu theo quy định hiện hành mà diện tích đất đó được công nhận vào đích sử dụng nào thì sẽ được bồi thường, hỗ trợ theo mục đích sử dụng tương ứng.

Tại khoản 4 Mục I Phần B của Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án, quy định:

“4. Giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ và chi trả tiền:

4.1. Đơn giá đất để tính bồi thường

“Đối với đất nông nghiệp:

Đất nông nghiệp (trồng cây lâu năm) tiếp giáp mặt tiền các đường số 11, 13, 400 và đường H, vị trí 1: 7.622.000 đồng/m²”.

Theo tiết b và tiết c điểm 5.2 khoản 5 Mục II Phần B của Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Bồi thường dự án, quy định:

“5.2. Đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ: ...

b. Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được công bố, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấm mốc: ...

- Nếu xây dựng trên đất được hỗ trợ về đất theo quy định tại tiết a điểm 19.2 khoản 19 Mục I Phần này, xây dựng trên đất nông nghiệp hoặc xây dựng trên kênh, sông, rạch (kể cả xây dựng một phần trên đất, một phần trên rạch) thì tính hỗ trợ theo thời điểm xây dựng như sau:

+ Xây dựng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 70% giá trị xây dựng theo quy định tại điểm 4.1, 4.4 khoản 4 Mục này.

+ Xây dựng trong khoảng thời gian từ ngày 15 tháng 10 năm 1993 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2004: Hỗ trợ bằng 50% giá trị xây dựng theo quy định tại điểm 4.1, 4.4 khoản 4 Mục này.

+ Xây dựng trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2006: Hỗ trợ bằng 30% giá trị xây dựng theo quy định tại điểm 4.1, 4.4 khoản 4 Mục này.

c. Trường hợp xây dựng trước ngày 01 tháng 7 năm 2006 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và tại thời điểm xây dựng đã vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật đã được cấm mốc thì tính hỗ trợ bằng 80% mức bồi thường, hỗ trợ của trường hợp không vi phạm tương ứng tại tiết a, b Điểm này...”.

Như vậy, phần đất diện tích 45,8m² nằm trong phạm vi giải toả của dự án thuộc lộ giới, không được công nhận (vượt hạn mức đất ở do đã được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BĐ 995310 cho ông Nguyễn Minh H1, diện tích đất ở 200m²) và phần nhà diện tích 28,67m², phần sân 16,94m² có thời điểm xây dựng từ sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2006.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 về phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông (bà) Nguyễn Minh H1 trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa Lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T, với nội dung bồi thường phần đất diện tích 45,8m² theo đơn giá đất trồng cây lâu năm và bồi thường phần nhà, vật kiến trúc được nêu tại khoản 1 mục B phần III của Phương án số 45/PABT-HĐBT-LB ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường dự án (bao gồm phần nhà diện tích 28,67m² theo đơn giá 3.267.000 đồng/m² x 30% x 80% và phần sân diện tích 16,94m² theo đơn giá 180.000 đồng/m² x 30% x 80%) là đúng quy định. Việc ông Nguyễn Minh H1 yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường diện tích đất 45,8m² là đất ở theo giá thị trường và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ phần nhà, vật kiến trúc được nêu tại khoản 1 mục B phần III của Phương án số 45/PABT-HĐBT-LB ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng bồi thường dự án (bao gồm phần nhà diện tích 28,67m² và phần sân 16,94m²) là 100% đơn giá (không phải 30% đơn giá) là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Việc Ủy ban nhân dân thành phố T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành các quyết định nêu trên là đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục, chính sách của dự án và phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 663/2025/HC-ST ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1 gồm các yêu cầu sau:

Hủy Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn Minh H1 trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa Lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T.

Hủy Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần đầu);

Hủy Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần hai);

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường theo giá đất ở cho ông Nguyễn Minh H1 đối với phần đất bị thu hồi theo đơn giá 130.000.000 đồng/m²

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường 100% giá trị xây dựng đối với phần nhà và vật kiến trúc trên đất theo đơn giá tại Quyết định 66/2024/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/9/2025, ông Nguyễn Minh H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1, có đại diện theo ủy quyền là Công ty luật trách nhiệm hữu hạn S Attorneys, do ông Nguyễn Khắc S đại diện trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1, với các lý do: UBND phường L cho rằng công trình này xây dựng sau ngày 01/07/2004 dựa trên lý do đơn thuần là “bản đồ năm 2003 không thể hiện vật kiến trúc”; tuy nhiên, lập luận này hoàn toàn vô căn cứ và mâu thuẫn trực tiếp với hồ sơ thực tế. Tại Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 45/UBND ngày 27/02/2018 của chính UBND phường L và đặc biệt là Biên bản kiểm đếm số 045/BBKD ngày 04/05/2017 của Tiểu ban kiểm đếm HĐBT-GPMB đều đã ghi nhận rõ ràng: công trình xây dựng và nhà ở của ông H1 được hình thành, sử dụng ổn định và không có tranh chấp từ năm 1997. Từ việc xác định sai lệch này, Tòa cấp sơ thẩm đã sai lầm trong việc xác định loại đất bị thu hồi. Mặc dù diện tích 45,8m² nằm trong lộ giới quy hoạch nên không được công nhận trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng điều này không đồng nghĩa đây là đất nông nghiệp. Thực tế, ngay tại Thông báo thu hồi đất số 58/TB-UBND ngày 20/02/2017, cơ quan có thẩm quyền đã xác định rõ ràng vị trí đất thu hồi này là đất ở tại đô thị. Do đất có nhà ở ổn định từ năm 1997 (trước ngày 01/07/2004), đối chiếu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và điểm a khoản 7 Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND của UBND Thành phố H, khi Nhà nước thu hồi đất, diện tích này phải được xét bồi thường, hỗ trợ theo đúng mục đích sử dụng tương ứng là đất ở đô thị và công trình trên đất phải được hỗ trợ 100% đơn giá.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm vì: Đối với phần đất diện tích 45,8m² bị thu hồi, theo Bản đồ Tài liệu 299/TTg thì đây thuộc thửa 419 do Ủy ban xã đứng tên đăng ký sử dụng, nằm trong lộ giới đường H đã quy hoạch từ năm 1995 và chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, hộ ông Nguyễn Minh H1 đã được cấp đủ hạn mức đất ở đô thị là 200m² tại thửa đất số 519 liên kề. Do đó, căn cứ Điều 75 Luật Đất đai 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP, diện tích 45,8m² này nằm ngoài hạn mức nên việc áp giá bồi thường theo đất nông nghiệp trồng cây

lâu năm là đúng quy định, không có cơ sở bồi thường theo giá đất ở. Đối với phần nhà (28,67 m²) và sân (16,94 m²), do xây dựng sau khi có quy hoạch lộ giới (trong khoảng năm 2004 – 2006) trên đất chưa được công nhận, nên việc tính hỗ trợ 30% đơn giá theo Chính sách bồi thường số 523/CSBT-HĐBT của dự án là hoàn toàn phù hợp. Vấn đề pháp lý này cũng hoàn toàn tương đồng với vụ án của hộ ông Cổ Duy T1 và bà Phạm Thị P trong cùng dự án, đã được xét xử tại bản án có hiệu lực pháp luật với kết quả bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1 là không có cơ sở; tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Minh H1, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng: Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H, Ủy ban nhân dân thành phố T, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, đều có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Thực hiện dự án xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao với Xa lộ H), Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12/12/2022, Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10797/QĐ-UBND về thu hồi 45,8m² đất của ông Nguyễn Minh H1. Cùng ngày 12/12/2022, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ BXMD mới đến nút giao với XLHN) ban hành Phương án số 45/PABT-HĐBT-LB và Quyết định số 10942/QĐ-UBND phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ BXMD mới đến N1 giao với XLHN) tại các phường T, L, L, thành phố T. Theo đó, bồi thường cho ông Nguyễn Minh H1 với diện tích giải tỏa 45,8m² như sau:

(i) Bồi thường, hỗ trợ về đất: 349.087.600 đồng;

(ii) Bồi thường, hỗ trợ công trình xây dựng: Phần diện tích trong ranh giải tỏa: 26.892.214 đồng; Phần diện tích bị ảnh hưởng ngoài ranh giải tỏa: 86.909.433 đồng, Hỗ trợ chi phí sửa chữa, hoàn thiện bị phá dỡ một phần nhưng vẫn tồn tại và sử dụng được phần còn lại: 113.801.647 đồng;

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 462.889.247 đồng.

- Không đủ điều kiện tái định cư.

Ông H1 có khiếu nại. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 (giải quyết khiếu nại lần 1); Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 (giải quyết khiếu nại lần 2) đều bác khiếu nại của ông H1.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông H1 về việc đề nghị hủy Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022, các quyết định giải quyết khiếu nại và buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường theo giá đất ở với đơn giá 130.000.000 đồng/m² và bồi thường 100% giá trị xây dựng đối với phần nhà và vật kiến trúc trên phần đất bị thu hồi:

[3.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T; Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H được ban hành đúng theo quy định pháp luật.

[3.2] Về nội dung:

Theo bản đồ hiện trạng vị trí (Hợp đồng số 415/HĐ-ĐĐBĐ/2017 ngày 29/5/2017) do Trung tâm tư vấn và thẩm định trắc địa bản đồ lập ngày 07/6/2017, được Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra nội nghiệp ngày 20/6/2017, thể hiện phần diện tích bị thu hồi là 45,8m² thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64, Tài liệu năm 2003.

Theo Giấy xác nhận pháp lý hồ sơ số 45/UBND ngày 27/02/2018, Giấy xác nhận bổ sung pháp lý hồ sơ đất - vật kiến trúc số 46/GXN-UBND ngày 24/10/2022 của Ủy ban nhân dân phường L thì nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà, đất của ông Nguyễn Minh H1 bị ảnh hưởng khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe miền Đ mới đến nút giao Xa lộ H) cụ thể như sau:

- Theo Tài liệu 02/CT-UB: thuộc một phần thửa số 226, tờ bản đồ số 13, do ông Nguyễn Minh S1 (cha ông H1) đứng tên kê khai.

- Theo tài liệu đo đạc năm 2003: thuộc một phần thửa số 42, tờ bản đồ số 64, do ông Nguyễn Minh S1 đứng tên kê khai.

- Có nguồn gốc thuộc một phần diện tích đất do ông Nguyễn Minh S1 và bà Huỳnh Thị M khai hoang sử dụng từ năm 1976, sau đó để lại cho con là ông Nguyễn Minh H1 sử dụng, xây dựng nhà ở cho đến nay. Phần diện tích 45,8m² này thuộc lộ giới đường, chưa được cấp Giấy chứng nhận, liên kê phần nhà, đất

thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 64 đã được Ủy ban nhân dân Quận I cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD995310 ngày 16/5/2011 cho ông Nguyễn Minh H1 với diện tích 200m² đất ở đô thị.

- Phần vật kiến trúc nằm trong ranh dự án (nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m²) xây dựng sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2006.

Tại Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định về hỗ trợ đối với trường hợp không đủ điều kiện bồi thường về đất quy định: *"1. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất và không vi phạm pháp luật đất đai nhưng không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Khoản 7 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì tính hỗ trợ như sau:*

a) Đối với đất ở:

- Trường hợp sử dụng đất quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì được hỗ trợ về đất bằng 100% đơn giá đất ở để tính bồi thường nhưng phải trừ nghĩa vụ tài chính theo mức thu quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, diện tích hỗ trợ là diện tích đất ở thực tế sử dụng nhưng không vượt quá hạn mức giao đất ở theo quy định; phần diện tích đất ở vượt hạn mức (nếu có) được hỗ trợ bằng 100% giá đất nông nghiệp để tính bồi thường theo chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của dự án".

Xét thấy: Phần đất diện tích 45,8m² của ông H1 đang sử dụng, không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, thuộc lộ giới nên không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có công trình kiến trúc xây dựng trong thời điểm từ ngày 01/7/2004 đến ngày 01/7/2006, sau thời điểm phê duyệt quy hoạch lộ giới đường H năm 1995; Ngày 16/5/2011, ông H1 đã được cấp đủ hạn mức giao đất ở 200m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD995310. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường, hỗ trợ đối với phần đất diện tích 45,8m² theo đơn giá đất nông nghiệp trồng cây lâu năm là đúng quy định tại Điều 11 Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 09/8/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố H.

Về bồi thường, hỗ trợ phần nhà, vật kiến trúc trong ranh giải tỏa: Nhà và công trình kiến trúc nằm trong ranh dự án (nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m²) xây dựng sau ngày 01/7/2004 và trước ngày 01/7/2006. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố T hỗ trợ đối với phần nhà 28,67m² và sân lát đan xây 16,94m² của ông Nguyễn Minh H1 là phù hợp tiết b, tiết c, điểm 5.2, khoản 19, Mục I, Phần B Chính sách số 523/CSBT-HĐBT ngày 12/12/2022 của Hội đồng bồi thường Dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ bên xe M mới đến nút giao Xa lộ H).

Từ những căn cứ trên có cơ sở xác định Ủy ban nhân dân thành phố T ban hành Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 là đúng quy định pháp luật. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T có Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 (giải quyết khiếu nại lần 1); Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H có Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 (giải quyết khiếu nại lần 2) đều bác khiếu nại của ông H1 là có căn cứ. Yêu cầu khởi kiện của ông H1 về việc hủy các quyết định trên; buộc Ủy ban nhân dân thành phố T thực hiện việc bồi thường theo giá đất ở và bồi thường 100% giá trị xây dựng đối với phần nhà và vật kiến trúc trên đất theo đơn giá tại Quyết định 66/2024/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới là không được chấp nhận.

[4] Từ những nội dung nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Người khởi kiện có kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh. Do vậy, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người có kháng cáo phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 68, Điều 69 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Nguyễn Minh H1 gồm các yêu cầu sau:

- Hủy Quyết định số 10942/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố T về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với ông Nguyễn Minh H1 trong dự án đầu tư xây dựng đường H (đoạn từ Bến xe M mới đến nút giao với Xa Lộ H) tại các phường T, L, L, thành phố T.

- Hủy Quyết định số 5154/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần đầu);

- Hủy Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố H về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Minh H1 (lần hai);

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường theo giá đất ở cho ông Nguyễn Minh H1 đối với phần đất bị thu hồi theo đơn giá 130.000.000 đồng/m²

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố T bồi thường 100% giá trị xây dựng đối với phần nhà và vật kiến trúc trên đất theo đơn giá tại Quyết định 66/2024/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố H quy định Bảng giá nhà ở, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh H1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0023751 ngày 07/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Công

Đinh Ngọc Thu Hương

Trần Thị Hòa Hiệp